

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Công Trình;
2. Bà Huỳnh Thị Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; HKTT: Xóm B, thôn V, xã VA, huyện U, Tp Hà Nội; Cư trú ở: Thôn H, xã MH, huyện VL, tỉnh Hưng Yên. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn VP, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D và ông Võ Ngọc T tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã VA vào năm 2015. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, sau khi sinh con năm 2017 thì ông T bỏ đi để bà D một mình nuôi dưỡng con chung, bà D có ý tắt điện thoại để ông T quay về thăm con nhưng ông T không về. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2017, không quan tâm gì nhau nữa. Nay bà D không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T.

Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 04/11/2017. Hiện nay bà D trực tiếp nuôi dưỡng (từ năm 2017 đến nay). Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 31/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Ngọc T trình bày:

Ông T và bà D kết hôn tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VA. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2017, ông có yêu cầu bà D làm đơn ly hôn từ năm 2019 nhưng bà D không làm. Vợ chồng không còn qua lại, quan tâm gì nhau. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý.

Vợ chồng có 01 con chung như bà D trình bày, khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con bởi vì ông T đang làm Giám đốc của Công ty xây dựng, thu nhập ổn định (hơn 40.000.000 đồng/tháng).

Tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi thụ lý, vụ án đã được hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại nhưng không thành; sau khi thụ lý Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt tất cả đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho ly hôn giữa bà D và ông T; về con chung: Giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét; tài sản và nghĩa vụ về tài sản: bà D và ông T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú ở xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo đề nghị của đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Võ Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã VA, huyện U, Tp. Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D và ông T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ lâu, bà D yêu cầu ly hôn ông T đồng ý. Xét thấy, hôn nhân giữa bà D và ông T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị D ly hôn với ông Võ Ngọc T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Võ Ngọc T xác nhận có 01 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 04/11/2017, bà D là người trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng không sống chung đến nay. Bà D và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, theo Đơn xác nhận ngày 16/11/2023 bà D là người trực tiếp nuôi con chung từ năm 2017 đến nay, trùng khớp với lời trình bày của bà D và ông T, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì có điều kiện kinh tế hơn nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, để đảm bảo sự phát triển ổn định cuộc sống như lâu nay của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà D, giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D đã được giải thích theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con nhưng bà D vẫn không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Võ Ngọc T.

2. *Về con chung*: Giao con chung Võ Đăng K, sinh ngày 04/11/2017 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà Nguyễn Thị D và ông Võ Ngọc T không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình. Bà D đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010211 ngày 31/10/2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã VA, huyện U
(Số 38 ngày 01/7/2016);
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật